TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh và ông Hoàng Sĩ Quang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 526/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 580/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; HKTT: Thôn B, xã T, huyện Â, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: Liên bang N. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Lê Thị L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã N (nay là xã T), huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Liên Bang N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H quen biết nhau tại Liên Bang N từ năm 1998. Sau một thời gian tự do tìm hiểu, ông bà được hai bên gia

đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng. Ngày 26/3/2013, bà và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã T), huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, bà và ông H quay lại Liên Bang N làm việc. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù bà và ông H đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 6/2016 đến nay, bà và ông H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về quan hệ con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Nguyễn Vũ Thùy L1, sinh ngày 20/01/2000 và Nguyễn Nam K, sinh ngày 31/7/2009. Đối với cháu L1 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu K hiện đang ở cùng bà tại Liên Bang N. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu K cho bà nuôi dưỡng. Bà tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng bà.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà T không cung cấp được địa chỉ của ông Nguyễn Văn H ở Liên Bang N nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông H. Bà Trần Thị Đ (là mẹ đẻ ông H) trình bày: Bà T và ông H mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết. Hiện nay, ông H vẫn đang ở Liên Bang N, thỉnh thoảng ông H vẫn liên lạc về cho bà. Việc bà T làm đơn xin ly hôn ông H thì bà T tự giải quyết. Bà từ chối nhận các văn bản của Tòa án giao cho ông H.

Chị Nguyễn Vũ Thùy L1 (là con đẻ của bà T, ông H) trình bày: Chị không biết địa chỉ cụ thể của ông H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên ông H vẫn thường xuyên liên lạc với chị qua điện thoại. Chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho ông H biết. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn, ông H đồng ý. Về con chung: Ông H xác định vợ chồng có 02 con chung như bà T trình bày. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 31/7/2009 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông cấp dưỡng tiền nuôi con, ông nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và có quan điểm xin vắng mặt. Ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81,

82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thúy ly H1 ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 31/7/2009 đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Vũ Thùy L1, sinh ngày 20/01/2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn H hiện đang sinh sống và làm việc tại Liên Bang N. Trước khi xuất cảnh, ông H sinh sống tại xã N (nay là xã T), huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp được địa chỉ của ông H tại Liên Bang N. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu bà T và gia đình ông H cung cấp địa chỉ, nhưng bà T và gia đình ông H không cung cấp được. Bà Trần Thị Đ (là mẹ đẻ ông H) và chị Nguyễn Vũ Thùy L1 (là con đẻ ông H) đều xác định ông H vẫn liên lạc về bà Đ và chị L1. Bà T có đơn xin ly hôn, ông H đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng thông qua chị L1 (là con đẻ ông H) và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã T), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/3/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà T xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình ông H có quan điểm đồng ý ly hôn bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, ông bà không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho bà T được ly hôn ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Vũ Thùy L1, sinh ngày 20/01/2000 và Nguyễn Nam K, sinh ngày 31/7/2009. Đối với cháu L1 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu K, hiện đang ở cùng bà T ở L Nga. Sau khi ly hôn, bà T và ông H đều có quan điểm giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con, ông H nhất trí. Xét thấy sự thỏa thuận của bà T và ông H là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thúy ly H1 ông Nguyễn Văn H.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 31/7/2009 kể từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Vũ Thùy L1, sinh ngày 20/01/2000 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do bà Lê Thị L nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005207 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Trần Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất